**ĐÔNG NAM Á - ĐỊA LÍ LỚP 11**

**S= 4,7 triệu km2**

**I. Tự nhiên**

**1. Vị trí địa lí và lãnh thổ**

- Nằm ở Đông Nam châu Á, giáp Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, cầu nối giữa lục địa Á-Âu với lục địa Úc.

- ĐNÁ bao gồm 11 nước.

**2. Điều kiện tự nhiên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Yếu tố*** | **Đông Nam Á lục địa**  Thuộc bán đảo Đông Dương  (bán đảo Trung - Ấn) | **Đông Nam Á biển đảo**  Thuộc quần đảo Mã Lai |
| Gồm các nước | Việt Nam, Lào, Căm Pu Chia, Thái Lan, Mianma. | Philippin, Inđônêxia, Brunei, Đôngtimo, Singapo, Malaixia, Đông Timo. |
| Địa hình  Đất đai | Bị chia cắt bởi các dãy núi hướng Bắc- Nam ở giữa là các đồng bằng phù sa màu mỡ => phát triển nông nghiệp,  nhất là lúa nước | - Nhiều đảo và quần đảo  - Nhiều đồi núi, núi lửa  - Ít đồng bằng nhưng đất đai màu mỡ  => phá triển cây công nghiệp: cao su, cà phê.. |
| Khí hậu | Nhiệt đới gió mùa | Nhiệt đới gió mùa  Xích đạo |
| Khoáng sản | Than, sắt, thiếc, dầu khí…  - Mianma: Giàu khoáng sản  - Cămpuchia: saphir, rubi | Dầu khí, thiếc, than…( trừ Singapo)  - Indônêxia, Philippin: Giàu khoáng sản.  - Brunei: Dầu và khí đốt 90% GDP ( T4/ĐNA). T9/TG về xuất khẩu khí. |
| Sông | S.Mêkông , S. Mê Nam, s. Hồng, S. Saluen…  → Phát triển thủy lợi, giao thông, cung cấp phù sa cho đồng bằng, thủy sản… | Ngắn dốc  → có giá trị thủy điện |
| Rừng | Rừng nhiệt đới gió mùa | Rừng mưa xích đạo:  - In đô: T2/TG về đa dạng sinh học  Malaixia: Đa dạng sinh học siêu cấp: 20% ĐV/TG |

**II. Dân cư và xã hội**

**1. Dân cư**

- Dân số đông, mật độ cao

- Tỉ suất gia tăng tự nhiên còn cao nhưng đang suy giảm

- Nguồn lao động dồi dào nhưng trình độ còn hạn chế => ảnh hưởng tới vấn đề việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống

- Dân cư phân bố không đều: tập trung ở đồng bằng, ven biển, vùng đất đỏ

**2. Xã hội**

- Các quốc gia có nhiều dân tộc

- Là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa và tôn giáo lớn

- Phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa có nhiều nét tương đồng

**II. Cơ cấu kinh tế:** Có sự chuyển dịch theo hướng:

- GDP khu vực I giảm rõ rệt.

- GDP khu vực II tăng mạnh.

- GDP khu vực III tăng ở hầu hết các nước.

 Thể hiện chuyển đổi từ nền kinh tế thuần nông lạc hậu sang nền kinh tế có nền công nghiệp và dịch vụ phát triển.

**II. Công nghiệp và dịch vụ**

**1. Công nghiệp**

***a. Xu hướng phát triển***: Tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài để tranh thủ nguồn vốn, công nghệ và phát triển thị trường.

***b. Phát triển mạnh các ngành:***

- Chế biến và lắp ráp ôtô, xe máy, điện tử (Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái lan, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam).

- Khai thác than, dầu (Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây) và khoáng sản kim loại (Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a).

- Sản xuất giày da, dệt may, tiểu thủ công nghiệp.

**2. Dịch vụ**

***a. Hướng phát triển***

- Phát triển cơ sở hạ tầng cho các khu công nghiệp.

- Xây dựng đường sá, phát triển giao thông.

- Hiện đại hoá mạng lưới thông tin, dịch vụ ngân hàng, tín dụng.

***b. Mục đích***: Phục vụ đời sống, nhu cầu phát triển trong nước và thu hút các nhà đầu tư.

**III. Nông nghiệp**

**1. Trồng lúa nước**

- Lúa nước là cây trồng lâu đời của cư dân khu vực (vì phù hợp với nền nhiệt độ, ánh sáng, chế độ mưa và đất phú sa màu mỡ) và trở thành cây lương thực chính.

- Được phát triển ở tất cả các nước nhưng sản lượng nhiều nhất ở In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Việt Nam, Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a.

- Do áp dụng tiến bộ KHKT, năng suất lúa ngày càng tăng.

- Vấn đề của các nước trong khu vực: Cần sử dụng hợp lí đất gieo trồng lúa nước, tránh tình trạng lãng phí đòi hỏi phải có quy hoạch phát triển dài hạn, phù hợp với chiến lược phát triển.

**2. Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả**

- Cao su, cà phê, hồ tiêu có nhiều ở Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.

- Cây ăn quả được trồng ở hầu hết các nước.

* Đông Nam Á là nguồn cung cấp chính cho thế giới về cao su, cà phê, hồ tiêu.Việt Nam là nước xuất khẩu hồ tiêu nhiều nhất thế giới.

**3. Chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ, hải sản.**

- Trâu, bò, lợn được nuôi ở nhiều quốc gia.

- Đánh bắt và nuôi trồng thuỷ, hải sản phát triển.

→ Chăn nuôi vẫn chưa trở thành ngành chính; sản lượng đánh bắt cá còn rất khiêm tốn so với các khu vực khác trên thế giới.

**IV. VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP ASEAN.**

**1. Tham gia của Việt Nam**

- Về kinh tế, giao dịch thương mại của Việt Nam trong khối đạt 30%.

- Tham gia hầu hết các hoạt động về chính trị, văn hoá, giáo dục, xã hội, thể thao...

- Vị trí của Việt Nam ngày càng được nâng cao.

**2. Cơ hội và thách thức**

- Cơ hội: Xuất được hàng trên thị trường rộng lớn ngót nửa tỉ dân.

 Thách thức: Phải cạnh tranh với các thương hiệu có tên tuổi, uy tín hơn, các sản phẩm có trình độ công nghệ cao hơn.

 Giải pháp: Đón đầu đầu tư và áp dụng các công nghệ tiên tiến để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá.

**Câu 1.** **Khu vực Đông Nam Á bao gồm**

A. 12 quốc gia.        B. 11 quốc gia. C. 10 quốc gia.        D. 21 quốc gia.

**Câu 2.** **Đảo lớn nhất trong khu vực Đông Nam Á và lớn thứ ba trên thế giới là**

A. Gia-va.      B. Lu-xôn. C. Xu-ma-tra.     D. Ca-li-man-tan.

**Câu 3. Đông Nam Á có vị trí cầu nối giữa**

A. lục địa châu Á với lục địa châu Phi. B. lục địa châu Á với lục địa châu Úc.

C. lục địa Á –Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a. D. lục địa Nam Cực với lục địa Á- Âu.

**Câu 4. Đông Nam Á tiếp giáp với hai đại dương nào sau đây?**

A. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. B. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

C. Thái Bình Dương với Bắc Băng Dương. D. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

**Câu 5.** **Đông Nam Á có vị trí địa - chính trị rất quan trọng vì**

A. khu vực này tập trung rất nhiều loại khoáng sản.

B. là nơi đông dân nhất thế giới, tập trung nhiều thành phần dân tộc.

C. nền kinh tế đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

D. là nơi tiếp giáp giữa hai đại dương, vị trí cầu nối hai lục địa.

**Câu 6.** **Phần đất liền của khu vực Đông Nam Á mang tên**

A. bán đảo Đông Dương.     B. bán đảo Mã Lai. C. bán đảo Triều Tiên.     D. bán đảo Tiểu Á.

**Câu 7.** **Các nước Đông Nam Á biển đảo *không* có quốc gia nào sau đây?**

A. Xin-ga-po. B. Ma-lai-xi-a. C. Đông-ti-mo. D. In-đô-nê-xi-a.

**Câu 8.** **Quốc gia nào sau đây nằm ở bộ phận Đông Nam Á lục địa?**

A. Đông Ti-mo.     B. Xin-ga-po. C. Thái Lan.     D. In-đô-nê-xi-a.

**Câu 9. Địa hình chủ yếu của Đông Nam Á lục địa là**

A. núi chạy theo hướng Bắc - Nam và đồng bằng ven biển.

B. núi chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam hoặc Bắc - Nam và các đồng bằng châu thổ.

C. núi chạy theo hướng Bắc - Nam và các đồng bằng châu thổ màu mỡ.

D. đồng bằng phù sa màu mỡ và núi chạy theo hướng Tây - Đông.

**Câu 10.** **Đông Nam Á biển đảo có dạng địa hình chủ yếu nào?**

A. Đồng bằng châu thổ. B. Núi và cao nguyên.

C. Thung lũng mở rộng. D. Đồi, núi và núi lửa.

**Câu 11.** **Phần lớn Đông Nam Á lục địa có khí hậu**

A. xích đạo.     B. cận nhiệt đới. C. ôn đới.     D. nhiệt đới gió mùa.

**Câu 12.** **Những quốc gia nào trong khu vực Đông Nam Á lục địa có mùa đông lạnh?**

A. Việt Nam và Thái Lan. B. Việt Nam và Mi-an-ma.

C. Mi-an-ma và Căm-pu-chia. D. Mi-an-ma và Lào.

**Câu 13**. **Khí hậu của Đông Nam Á biển đảo là**

A. nhiệt đới gió mùa và xích đạo. B. xích đạo và cận nhiệt đới.

C. nhiệt đới và xích đạo. D. xích đạo và cận nhiệt đới gió mùa.

**Câu 14.** **Loại đất có giá trị kinh tế của các nước Đông Nam Á là**

A. đất ba dan và đất cát ven biển. B. đất đen và đất phù sa.

C. đất xám phù sa cổ và đất feralit. D. đất feralit và đất phù sa.

**Câu 15.** **Đông Nam Á lục địa có nhiều khoáng sản nào sau đây?**

A. than, thiếc, đồng. B. than, thiếc, sắt.

C. than, chì, kẽm. D. kẽm, đồng, vàng.

**Câu 16.** **Vùng thềm lục địa của khu vực Đông Nam Á có nhiều tài nguyên khoáng sản nào sau đây?**

A. Dầu khí. B. Than đá. C. Cát thủy tinh. D. Vàng.

**Câu 17.** **Các nước Đông Nam Á có nhiều loại khoáng sản vì**

A. nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. B. có nhiều kiểu, dạng địa hình.

C. nằm trong vành đai sinh khoáng. D. nằm kề sát vành đai núi lửa Thái Bình Dương.

**Câu 18.** **Quốc gia nào trong khu vực Đông Nam Á có sự đa dạng sinh học đứng thứ 2 trên thế giới?**

A. Malaixia. B. In-đô-nê-xia. C.Việt Nam. D. Thái Lan.

**Câu 19.** **Thiên tai chủ yếu của khu vực Đông Nam Á *không* phải là**

A. động đất B. hạn hán. C. lũ lụt. D. bão.

**Câu 20.** **Điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới ở Đông Nam Á là**

A. khí hậu nóng ẩm, đất đai phong phú, sông ngòi dày đặc. B. vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng (trừ Lào).

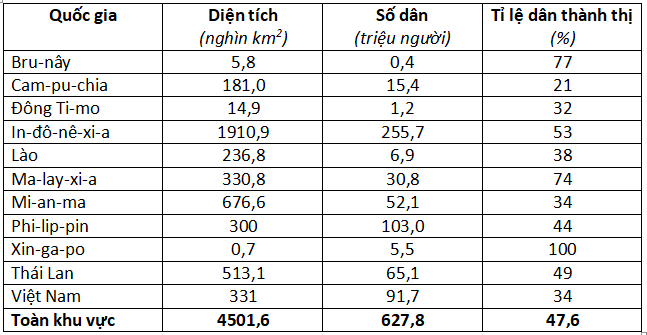
C. nằm trong vùng hoạt động của gió mùa. D. địa hình và khí hậu có sự phân hóa.

**Câu 21.** **Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là**

A. phát triển thủy điện. B. phát triển lâm nghiệp.

C. phát triển kinh tế biển. D. phát triển chăn nuôi.

**Câu 22.** Cho bảng số liệu:



**Căn cứ vào bảng số liệu trên, mật độ dân số khu vực Đông Nam Á năm 2015 là**

A. 7170 người/km2.        B. 139 000 người/km2. C. 139 người/km2.        D. 717 người/km2.

**Câu 23.** **Dân cư Đông Nam Á phân bố không đều, thể hiện ở**

A. mật độ dân số cao hơn mức trung bình của toàn thế giới.

B. dân cư tập trung đông ở Đông Nam Á lục địa, thưa ở Đông Nam Á biển đảo.

C. dân cư tập trung đông ở đồng bằng châu thổ của các sông lớn, vùng ven biển.

D. dân cư thưa thớt ở một số vùng đất đỏ badan.

**Câu 24.** **Đặc điểm nào sau đây *không* đúng về dân cư Đông Nam Á?**

A. Dân số đông, tăng nhanh. B. Mật độ dân số cao hơn trung bình thế giới.

C. Phân bố chủ yếu ở đồng bằng. D. Số người trong độ tuổi lao động dưới 50%.

**Câu 25.** **Đặc điểm *không* đúng về xã hội của các nước Đông Nam Á là**

A. có nhiều dân tộc. B. các dân tộc có nhiều mâu thuẫn.

C. là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn. D. tôn giáo phổ biến là Phật giáo.

**Câu 26.** **Đông Nam Á có truyền thống văn hóa phong phú, đa dạng là do**

A. có số dân đông, nhiều quốc gia. B. nằm tiếp giáp giữa các đại dương lớn.

C. vị trí cầu nối giữa 2 lục địa. D. là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn.

**Câu 27.** **Một số quốc gia như: Việt Nam, Ma-lai-xia, Xin-ga-po… chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền văn hóa nào sau đây?**

A. Trung Quốc. B. Ấn Độ. C. Nhật Bản. D. Âu.

**Câu 28.** **Một trong những hạn chế lớn của lao động ở hầu hết các nước Đông Nam Á là**

A. lao động trẻ, thiếu kinh nghiệm. B. thiếu lao động có trình độ cao.

C. không cần cù, siêng năng. D. thiếu sự dẻo dai, năng động.

**Câu 29. Cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á có sự chuyển dịch theo hướng**

A. từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp và dịch vụ.

B. từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế dịch vụ.

C. từ nền kinh tế dịch vụ sang nền kinh tế công nghiệp.

D. từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp.

**Câu 30.** **Hiện nay, công nghiệp Đông Nam Á *không* phát triển theo hướng**

A. tăng cường liên doanh với nước ngoài. B. tập trung sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

C. tiếp nhận sự chuyển giao công nghệ. D. hiện đại hóa sản xuất.

**Câu 31. Những năm gần đây, các ngành công nghiệp trở thành thế mạnh có sức cạnh tranh của nhiều nước trong khu vực Đông Nam Á là**

A. khai thác dầu khí và sản xuất hàng điện tử. B. hóa dầu, cơ khí.

C. lắp ráp ô tô, xe máy và thiết bị điện tử. D. dệt may, chế biến thực phẩm.

**Câu 32.** **Quốc gia có sản lượng công nghiệp lớn nhất Đông Nam Á là**

A. Xin-ga-po. B. Thái Lan. C. Việt Nam. D. In-đô-nê-xia.

**Câu 33.** **Mục tiêu trong phương hướng phát triển công nghiệp của Đông Nam Á là để**

A. tích lũy vốn cho giai đoạn phát triển tiếp theo. B. tận dụng lợi thế trong nước về tài nguyên thiên nhiên.

C. tranh thủ nguồn vốn đầu tư của nước ngoài. D. giải quyết vấn đề việc làm cho nguồn lao động dồi dào.

**Câu 34. Một trong những hướng phát triển công nghiệp của các nước Đông Nam Á hiện nay là**

A. chú trọng sản xuất các mặt hàng phục vụ nhu cầu trong nước.

B. tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài.

C. phát triển các ngành công nghiệp đòi hỏi nguồn vốn lớn.

D. ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp truyền thống.

**Câu 36.** **Khai thác dầu khí là thế mạnh của các nước Đông Nam Á nào sau đây?**

A. In-đô-nê-xia, Việt Nam, Lào, Bru-nây.

B. Bru-nây, In-đô-nê-xia, Việt Nam, Ma-lai-xia.

C. Việt Nam, Thái Lan, Bru-nây, In-đô-nê-xia.

D. Việt Nam, Ma-lai-xia, Xin-ga-po, In-đô-nê-xia.

**Câu 37.** **Các ngành công nghiệp tận dụng được thế mạnh về tài nguyên và lao động của các nước Đông Nam Á là**

A. dệt may, điện tử, chế biến lương thực, thực phẩm.

B. dệt may, giầy da, chế biến thực phẩm, khai thác khoáng sản.

C. giầy da, chế biến thực phẩm, khai thác khoáng sản, cơ khí.

D. tiểu thủ công nghiệp, dệt may, hóa chất, cơ khí.

**Câu 38. Nguyên nhân cơ bản giúp các ngành công nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy ở Đông Nam Á phát triển mạnh là**

A. nguồn lao động dồi dào, giá nhân công rẻ. B. thị trường tiêu thụ rộng lớn.

C. trình độ khoa học kĩ thuật cao. D. liên doanh với nước ngoài.

**Câu 39. Quốc gia nào ở Đông Nam Á có tỉ trọng khu vực I trong cơ cấu GDP còn cao?**

A. Cam-pu-chia.        B. In-đô-nê-xi-a. C. Phi-lip-pin.        D.Việt Nam.

**Câu 40.** **Các lĩnh vực trồng trọt chính trong sản xuất nông nghiệp của Đông Nam Á là:**

A. trồng lúa nước, cây công nghiệp, cây thực phẩm. B. trồng lúa nước, cây công nghiệp, trồng rừng.

C. trồng lúa nước, cây công nghiệp và cây ăn quả. D. trồng cây lương thực, cây dược liệu, cây ăn quả.

**Câu 41. Các cây trồng chủ yếu ở Đông Nam Á là:**

A. lúa gạo, cà phê, cao su, hồ tiêu, dừa. B. lúa mì, cà phê, củ cải đường, chà là.

C. lúa gạo, củ cải đường, hồ tiêu, mía. D. lúa mì, dừa, cà phê, ca cao, mía.

**Câu 42. Ngành nào sau đây đặc trưng cho nông nghiệp Đông Nam Á?**

A. Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả. B. Trồng lúa nước.

C. Chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà. D. Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

**Câu 43. Những quốc gia xuất khẩu gạo đứng đầu khu vực Đông Nam Á là**

A. Thái Lan, In-đô-nê-xia. B. Việt Nam, Thái Lan.

C. Thái Lan, Lào. D. Việt Nam, In-đô-nê-xia.

**Câu 44.** **Lúa nước là cây lương thực quan trọng của Đông Nam Á *không* do nguyên nhân nào sau đây?**

A. Đáp ứng nhu cầu lương thực của số đông người dân.

B. Đông Nam Á có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển.

C. Là cây lương thực có giá trị xuất khẩu cao.

D. Là thế mạnh duy nhất trong nền nông nghiệp của Đông Nam Á.

**Câu 45. Quốc gia có sản lượng lúa gạo cao nhất trong khu vực Đông Nam Á là**

A. Thái Lan.        B.Việt Nam. C. Ma-lai-xi-a.        D. In-đô-nê-xi-a.

**Câu 46. Hiện nay, diện tích trồng lúa nước ở các nước Đông Nam Á có xu hướng giảm chủ yếu do**

A. sản xuất lúa gạo đã đáp ứng được nhu cầu của người dân. B. năng suất tăng lên nhanh chóng.

C. chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cơ cấu cây trồng. D. nhu cầu sử dụng lúa gạo giảm.

**Câu 47.** **Quốc gia Đông Nam Á nào sau đây *không* trồng cà phê?**

A. Thái Lan. B. Việt Nam. C. In-đô-nê-xia. D. Xin-ga-po.

**Câu 48.** **Cà phê, cao su, hồ tiêu được trồng nhiều ở các nước Đông Nam Á *không* bởi nguyên nhân cơ bản nào?**

A. Có đất feralit màu mỡ. B. Có khí hậu nóng ẩm.

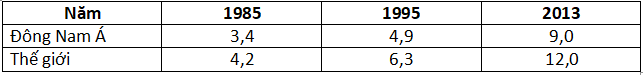
C. Có nguồn lao động giàu kinh nghiệm. D. Chính sách hỗ trợ của ASEAN.

**Câu 49. Cà phê, cao su, hồ tiêu được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Á do**

A. có khí hậu nóng ẩm, đất badan màu mỡ. B. truyền thống trồng cây công nghiệp từ lâu đời.

C. thị trường tiêu thụ sản phẩm luôn ổn định. D. quỹ đất cho phát triển các cây công nghiệp này lớn.

**Câu 50.**Cho bảng số liệu: Diện tích cao su của các nước Đông Nam Á và thế giới

  
**Để thể hiện sản lượng cao su của các nước Đông Nam Á và thế giới giai đoạn 1985 - 2013, biểu đồ nào thích hợp nhất?**

A. Cột.     B. Đường. C. Kết hợp. D. Miền.

**Câu 51.** **Nhận xét nào sau đây *không* đúng về tỉ trọng diện tích cao su của Đông Nam Á so với thế giới giai đoạn 1985 - 2013?**

A. Tỉ trọng ngày càng tăng. B. Chiếm tỉ trọng cao nhất.

C. Tỉ trọng ngày càng giảm. D. Tỉ trọng luôn chiếm hơn 70%.

**Câu 52. Mục đích chủ yếu của việc trồng cây công nghiệp ở các nước Đông Nam Á là**

A. làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. B. khai thác thế mạnh về đất đai.

C. thay thế cây lương thực. D. xuất khẩu thu ngoại tệ.

**Câu 53. Nguyên nhân quan trọng nhất khiến chăn nuôi chưa trở thành ngành chính trong sản xuất nông nghiệp ở các nước Đông Nam Á là**

A. công nghiệp chế biến chưa phát triển. B. hạn chế về thị trường tiêu thụ.

C. thiếu vốn, cơ sở thức ăn chưa đảm bảo. D. nhiều thiên tai, dịch bệnh.

**Câu 54.** **Chăn nuôi chưa trở thành ngành chính của Đông Nam Á chủ yếu do**

A. trồng trọt chưa đáp ứng nhu cầu cho người dân. B. Nhà nước không chú trọng phát triển.

C. nhu cầu tiêu dùng ít. D. dịch vụ thú y chưa phát triển.

**Câu 55.** **Trâu, bò được nuôi nhiều ở các nước Đông Nam Á nào sau đây?**

A. Việt Nam, Phi-lip-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xia. B. Căm-pu-chia, Phi-lip-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xia.

C. Việt Nam, Mi-an-ma, Thái Lan, In-đô-nê-xia. D. Việt Nam, Phi-lip-pin, Thái Lan, Lào.

**Câu 56.** **Lợn được nuôi nhiều ở các nước Đông Nam Á nào sau đây?**

A. Việt Nam, Phi-lip-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xia. B. Căm-pu-chia, Phi-lip-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xia.

C. Việt Nam, Mi-an-ma, Thái Lan, In-đô-nê-xia. D. Việt Nam, Phi-lip-pin, Thái Lan, Lào.

**Câu 57. Ngành kinh tế truyền thống, đang được chú trọng phát triển ở hầu hết các nước Đông Nam Á là**

A. đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản. B. chăn nuôi bò.

C. khai thác và chế biến lâm sản. D. nuôi cừu để lấy lông.

**Câu 58. Nước đứng đầu về sản lượng cá khai thác ở khu vực Đông Nam Á những năm gần đây là**

A. Thái Lan.        B. In-đô-nê-xi-a. C. Việt Nam.       D. Phi-lip-pin.

**Câu 59. Nguyên nhân chính làm cho các nước Đông Nam Á chưa phát huy được lợi thế của tài nguyên biển để phát triển ngành khai thác hải sản là**

A. phương tiện khai thác lạc hậu, chậm đổi mới. B. thời tiết diễn biến thất thường, nhiều bão.

C. chưa chú trọng phát triển ngành kinh tế biển. D. môi trường biển bị ô nhiễm nghiêm trọng.

**Câu 60. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào năm**

A.1967.        B.1977. C. 1995.        D. 1997.

**Câu 61. Các nước đầu tiên tham gia thành lập ASEAN là:**

A. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.

B. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.

C. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Bru-nây, Xin-ga-po.

D. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Việt Nam, Xin-ga-po.

**Câu 62. Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN vào năm**

A.1967.        B.1984. C. 1995.        D.1997.

**Câu 63. Hiện nay, nước nào trong khu vực Đông Nam Á chưa gia nhập ASEAN?**

A. Đông Ti-mo.        B. Lào. C. Mi-an-ma.        D. Bru-nây.

**Câu 43. Ý nào sau đây *không* phải là cơ sở hình thành ASEAN?**

A. Có chung mục tiêu, lợi ích phát triển kinh tế. B. Sử dụng chung một loại tiền.

C. Do sức ép cạnh tranh giữa các khu vực trên thế giới. D. Có sự tương đồng về văn hóa, xã hội.

**Câu 64. Mục tiêu chính của ASEAN là**

A. đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định, cùng phát triển.

B. phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và tiến bộ xã hội của các nước thành viên.

C. xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới.

D. giải quyết những khác biệt trong nội bộ giữa các nước trong khu vực.

**Câu 66.** **Mục tiêu của ASEAN nhấn mạnh đến sự ổn định *không* phải bởi**

A. nó là cơ sở vững chắc cho sự phát triển kinh tế- xã hội ở mỗi quốc gia.

B. trong khu vực còn nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp của xã hội.

C. còn có chiến tranh ở một số quốc gia trong khu vực.

D. điều này có ý nghĩa chính trị - xã hội hết sức quan trọng.

**Câu 67. Cơ sở vững chắc cho sự phát triển kinh tế – xã hội ở mỗi quốc gia cũng như toàn khu vực Đông Nam Á là**

A. tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực. B. thu hút mạnh các nguồn đầu tư nước ngoài.

C. khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên.

D. tăng cường các chuyến thăm lẫn nhau của các nhà lãnh đạo.

**Câu 68.** **Vai trò của Việt Nam trong ASEAN *không* phải là**

A. tham gia nhiều dự án phát triển kinh tế. B. cung cấp nhiều sản phẩm thiết yếu cho khu vực.

C. đóng góp tỉ trọng GDP cao nhất trong khu vực. D. đóng góp nhiều sáng kiến để nâng cao vị thế của ASEAN.

**Câu 69.** **Nhận định *không* phải là cơ chế hợp tác của ASEAN?**

A. Thông qua các diễn đàn. B. Xây dựng “Khu vực thương mại tự do ASEAN”.

C. Thông qua các hội nghị. D. Xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định.

**Câu 70. Thành tựu lớn nhất mà ASEAN đạt được qua 40 năm tồn tại và phát triển là**

A. đời sống nhân dân được cải thiện.

B. 10/11 quốc gia trong khu vực trở thành thành viên.

C. hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển theo hướng hiện đại hóa.

D. tốc độ tăng trưởng các nước trong khu vực khá cao.

**Câu 71. Ý nào sau đây *không* đúng khi nói về những vấn đề xã hội đòi hỏi các nước ASEAN phải giải quyết?**

A. Tôn giáo và sự hòa hợp các dân tộc ở mỗi quốc gia.

B. Thất nghiệp và sự phát triển nguồn nhân lực.

C. Sử dụng tài nguyên thiên nhiên chưa hợp lí.

D. Sự đa dạng về phong tục và tập quán ở mỗi quốc gia.

**Câu 72. Nguyên nhân ảnh hưởng xấu tới môi trường đầu tư của các nước Đông Nam Á là**

A. vẫn còn tình trạng đói nghèo. B. dịch bệnh, ô nhiễm môi trường.

C. thất nghiệp và thiếu việc làm. D. mất ổn định do vấn đề dân tộc, tôn giáo.

**Câu 73.** **Thành tựu của ASEAN sau 40 năm tồn tại và phát triển *không* phải là**

A. 10/11 quốc gia trở thành thành viên của ASEAN.

B. Đời sống của người dân được cải thiện.

C. Tạo dựng được môi trường hòa bình và ổn định trong khu vực.

D. Các nước đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và khá vững chắc.

**Câu 74. Thách thức lớn nhất về kinh tế với ASEAN là**

A. Trình độ phát triển chệnh lệch giữa các nước. B. Vẫn còn tình trạng đói nghèo.

C. Sự hòa hợp dân tộc trong mỗi quốc gia. D. Đô thị hóa quá mức.

**Câu 75. Thách thức lớn nhất khi Việt Nam tham gia vào ASEAN *không* phải là**

A. sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế. B. sự khác biệt về thể chế chính trị.

C. khả năng tiếp thu thành tựu khoa học còn chậm. D. trình độ công nghệ chưa cao.

**Câu 76. Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ Việt Nam ngày càng có vai trò tích cực trong ASEAN?**

A. Là quốc gia gia nhập ASEAN sớm nhất và có nhiều đóng góp trong việc mở rộng ASEAN.

B. Buôn bán giữa Việt Nam và ASEAN chiếm tới 70% giao dịch thương mại quốc tế của nước ta.

C. Tham gia vào tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, … của khu vực.

D. Hằng năm, khách du lịch từ các nước ASEAN đến Việt Nam chiếm tỉ lệ cao.

**Câu 77. Giải pháp chủ yếu để các nước ĐNA tích lũy vốn cho công nghiệp hóa là**

A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển hàng hóa. B. liên kết với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu.

C. đầu tư trang bị máy móc, đổi mới công nghệ. D. tăng khai thác tài nguyên, mở rộng dịch vụ.

**Câu 78.** **Biện pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế các nước Đông Nam Á hiện nay là**

A. tập trung khai thác khóang sản, tăng xuất khẩu. B. nâng cao trình độ lao động, chuyển dịch cơ cấu.

C. tăng cường đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa. D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh đô thị hóa.

**Câu 79. Phát biểu nào sau đây đúng về ĐNA biển đảo?**

A. Có nhiều hệ thống sông lớn. B. Không có đồng bằng đất phù sa.

C. Hướng núi phổ biến bắc – nam. D. Ít đồng bằng, nhiều núi, nứi lửa.

**Câu 80. Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các nước ĐNA là**

A. tạo nhiều việc làm, sử dụng hợp lí tài nguyên. B. giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường.

C. đa dạng hóa sản phẩm, tạo nhiều hàng hóa xuất khẩu. D. phát huy tiềm năng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 81. Phát biểu nào sau đây đúng về ĐNA biển đảo?**

A. Đất chủ yếu là phù sa các sông lớn. B. Tập trung các hệ thống sông lớn.

C. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, xích đạo. D. Nhiều đồng bằng, ít đồi núi, nứi lửa.

**Câu 82.Công nghiệp chế biến thực phẩm phân bố rộng khắp các nước Đông Nam Á là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?**

A. Cơ sở vật chất kĩ thuật tương đối tốt. B. Cơ sở hạ tầng ngày càng hiện đại.

C. Chất lượng lao động ngày càng cao. D. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

**Câu 83. Công nghiệp chế biến thực phẩm của Đông Nam Á phát triển dựa trên các thế mạnh chủ yếu nào sau đây?**

A. Nguồn lao động rất dồi dào và cơ sở vật chất kĩ thuật tốt. B. Nguồn lao động dồi dào và cơ sở hạ tầng khá hiện đại.

C. Nguồn nguyên liệu phong phú và thị trường tiêu thụ rộng. D. Nguồn vốn đầu tư nhiều và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**Câu 84. Phát biểu nào sau đây đúng về thành tựu của ASEAN hiện nay?**

A. Nhiều quốc gia thuộc vào nhóm nước phát triển. B. Các quốc gia đều có trình độ phát triển giống nhau.

C. Tình trạng đói nghèo của người dân đã được xóa bỏ. D. Tốc độ tăng GDP của một số quốc gia khá cao.

**Câu 85. Đông Nam Á có nhiều loại khoáng sản là do**

A. có diện tích rừng xích đạo lớn. B. địa hình chủ yếu là đồi núi.

C. có nhiều đảo, quần đảo và núi lửa. D. nằm trong vành đai sinh khoáng.

**Câu 86: Phát biểu nào sau đây *không* đúng với các quốc gia trong ASEAN hiện nay?**

A. Chú trọng việc bảo vệ môi trường. B. Có trình độ phát triển giống nhau.

C. Phong tục, tập quán có sự tương đồng. D. Tăng cường sự hợp tác giữa các quốc gia.